

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2026

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Bà **Lê Thị Lan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, tỉnh Đ.

(Chị T có mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly hôn từ năm 2025 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia H sinh năm 2001 và Nguyễn Hoàng Gia T1 sinh

năm 2003 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh S dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chị T xác định vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly hôn từ năm 2025 đến nay. Đối với anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nH và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nH: Cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009081 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nH dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Đối với anh S thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tân